

Bảng giá ngày 14/02/2025

Theo khảo sát, giá tiêu hôm nay 14/02 tiếp tục giảm ngày thứ hai liên tiếp, với mức giảm 2.000 – 2.500 đồng/kg đồng/kg, xuống còn 159.000 – 160.000 đồng/kg.

Trong đó, Gia Lai là địa phương ghi nhận mức giảm mạnh nhất 2.500 đồng/kg, xuống còn 159.000 đồng/kg.

Tương tự, giá tiêu tại hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông cùng điều chỉnh giảm 2.000 đồng/kg, xuống còn 160.000 đồng/kg. Dù vậy, đây vẫn là hai địa phương có giá cao nhất cả nước.

Còn tại các địa phương khác thuộc khu vực Đông Nam Bộ như Đồng Nai, Bình Phước và Bà Rịa – Vũng Tàu, giá tiêu hôm nay được thu mua ở mức 159.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg.

Tiêu		
Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Giá thu mua (Đơn vị: VNĐ/kg)	Thay đổi so với hôm qua (Đơn vị: VNĐ/kg)
Đắk Lắk	160.000	-2.000
Gia Lai	159.000	-2.500
Đắk Nông	160.000	-2.000
Bà Rịa - Vũng Tàu	159.000	-2.000
Bình Phước	159.000	-2.000
Đồng Nai	159.000	-2.000
Cà phê		
TT nhân xô	Giá trung bình	Thay đổi
Đắk Lắk	133,000	+2.200
Lâm Đồng	132,000	+2.200
Gia Lai	132,800	+2.000
Đắk Nông	133,000	+2.000
Tỷ giá USD/VND	25,270	-177
Cà phê Robusta London		5.817 USD/tấn
Cà phê Arabica New York		431.80 Cent/lb
ĐIỀU (giá điều tại các tỉnh) - đ/kg		
Loại điều	Giá hiện tại đ/kg	Thay đổi
Bình Phước	25.000 – 27.000	-
Đồng Nai	24.500 – 26.500	-

Đăk Lăk	21.000 – 25.000	-
Gia Lai	24.500 – 26.000	-
Đăk Nông	25.000 – 26.000	-
Giá Hạt Điều Xuất Khẩu (đ/kg)		
Hạt tiêu nhân trắng W240 xuất khẩu	180.000 - 350.000	
Hạt tiêu nhân trắng W320 xuất khẩu	170.000 - 340.000	
Hạt tiêu nhân trắng W450 xuất khẩu	130.000 - 310.000	
Hạt điều vỡ đôi WS nhân trắng xuất khẩu	147.000 - 240.000	
Tham khảo giá mật ong trong nước		
Loại mật ong rừng		Giá thị trường (VNĐ/lít)
Mật ong khoái rừng	700.000 – 800.000	-
Mật ong ruồi rừng	1.2triệu – 1.5triệu	-
Mật ong rừng U Minh	600.000-800.000	-
Mật ong rừng Tây Bắc	550.000-700.000	-
Loại mật ong nuôi		
Mật ong hoa nhãn	250.000đ – 300.000	-
Mật ong hoa cà phê	200.000đ – 250.000	-
Mật ong hoa trà	200.000đ – 250.000	-
Mật ong hoa bạc hà	300.000đ – 400.000	-
Mật ong hoa vải	180.000đ – 250.000	-
Mật ong hoa keo	120.000đ – 230.000	-
Tham khảo giá mủ cao su tại thị trường trong nước		
Giá cao su tại các khu vực	(Đơn vị: Đồng/TSC)	Giá thu mua
Cao su Đăklăk	Đồng/độ TSC	240.000-245.000
Cao su Bình Phước	Đồng/độ TSC	245.000-280.000
Cao su Đăk Nông	Đồng/độ TSC	260.000-265.000
Quảng trị-Bình Dương-HCM	Đồng/độ TSC	250.000-255.000
Cao su Phú Yên	Đồng/độ TSC	260.000-265.000
Công ty cao su Phú Riềng	Đồng/độ TSC	250.000-270.000
Công ty cao su Bình Long	Đồng/độ TSC	259.000-269.000
Cty cao su Bà Rịa-Vùng tàu	Đồng/độ TSC	251.000-256.000
Công ty cao su Mang Yang	Đồng/độ TSC	387.000-441.000
Tham khảo giá thị trường nông sản Thế giới		
Thị trường hàng hóa	DVT	Giá hàng hóa
Đường	UScents/lb	20.12

Cao su thể giới	JPY/kg	200.10
CAO SU RSS3, TSR20		
Giá cao su Tokyo(TOCOM)	Kg/Yên	369.00
Giá cao su tự nhiên (FHFE)-Thượng Hải	Tấn/nhân dân tệ	17.820
Giá cao su TSR20 (SGX)- Singapore	Sing/tấn	203.50

GIÁ SẦU RIÊNG TRONG NƯỚC

<i>Tên loại Sầu Riêng</i>	<i>Giá Hôm Nay (VNĐ/kg)</i>	<i>Thay đổi</i>
<i>KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ</i>		
Sầu riêng Ri6 đẹp	140.000 – 144.000	-
Sầu riêng Ri6 xô	60.000 – 70.000	-
Sầu riêng Ri6 (loại C)	60.000 – 65.000	-
Sầu riêng Thái đẹp	177.000 – 180.000	-
Sầu Riêng Thái Mua Xô	70.000 – 80.000	-
<i>KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ</i>		
Sầu riêng Ri6 đẹp	140.000 – 144.000	-
Sầu riêng Ri6 xô	60.000 – 70.000	-
Sầu riêng Ri6 (loại C)	60.000 – 70.000	-
Sầu riêng Thái đẹp	178.000 – 180.000	-
Sầu Riêng Thái Mua Xô	65.000 – 78.000	-
<i>KHU VỰC TÂY NGUYÊN</i>		
Sầu riêng Ri6 đẹp	140.000 – 144.000	-
Sầu riêng Ri6 xô	95.000 – 100.000	-
Sầu riêng Ri6 (loại C)	70.000 – 80.000	-
Sầu riêng Thái đẹp	170.000 – 180.000	-
Sầu Riêng Thái Mua Xô	65.000 – 78.000	-

GIÁ BƠ TRONG NƯỚC

Loại Bơ	Giá lẻ tại thị trường	
Giá bơ 034	45.000 – 58.000	Đắk Lắk, Lâm Đồng
Giá bơ 036	30.000 – 35.000	Lâm Đồng, Đắk Lắk
Giá bơ Booth	35.000 – 40.000	Đắk Lắk, Đà Lạt
Giá bơ sáp Đắk Lắk	18.000 – 22.000	Đắk Lắk

GIÁ HẠT MACCA

Giá macca tươi	Giá cả (đ/kg)	
Giá mắc ca tươi Đắk Lắk	70,000 – 90,000	-

Giá mắc ca tươi Lâm Đồng	67,000 – 90,000	-
Giá mắc ca tươi Đắk Nông	69,000 – 95,000	-
Giá mắc ca tươi Bình Định	75,000 – 120,000	-
Giá hạt mắc ca sấy khô		
Giá hạt macca Đắk Lắk	330.000 – 360.000	-
Giá hạt macca Lâm Đồng	330.000 – 360.000	-
Giá hạt mắc ca Đắk Nông	330.000 – 360.000	-

GIÁ CA CAO

Phân loại	Giá cả/kg/VNĐ	
Hạt ca cao xô	60.000 – 65.000	-
Hạt ca cao lên men loại I	68,000 – 71,000	-
Cacao lên men loại II	83,000 – 85,000	-
Ca cao lên men loại III	90,000 – 94,000	-
Giá ca cao tươi	6,200 – 6,500	-
Bột cacao nguyên chất	140,000 – 180,000	-

Nguồn tin: Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương::